

Cệngchǎfǎ

Jīng jén "orthography" s̄r jě.¹⁾

Khòngkế

- tũan cũ vs. tũancũ
- Tháipěi S̄r? Tháipěis̄r?
- Fǒutìng:
 - tòngchz ✓: m̄ hò, pu jàu
 - s̄ngzóngchz × (**líensǐe, jě pú yòng hyphen**): m̄sóngkónkē, pùjíc̄tẹ

"tẹ"

(jì s̄ryòng yǔ chíthā Hànyǔ tẹ thóngtặng chz ẹ, kē...)

- s̄ngzóngchz wěi, zệngchệng s̄uojǒukẹ wěi: ch̄ngs̄iàng yǔ chzkan líensǐe hǎutẹ, wǒtẹ
- tũan cũ / phienyǔ wěi: s̄zhū pùtẹ pù túlì chệng chz

Líenc̄hàu

- Síkùan tẹ cíehéyǔ, phienyǔ:
 - pù-tẹ-pù? pùtẹ pù?
 - Jíwèncũ: jàu-pújàu? jàupújàu?
 - cō-m-tẹt
- Tíec̄chz: **ch̄ngs̄iàng pú yòng!** ẹhángcháng, cīapcīap²⁾

Kéjīnfú

- **V|CCV**: lophēt? lẹ·phēt?

¹⁾

英言[orthography]是也。

²⁾

輒輒

From:

<http://ciangbrides.myds.me/dw/!abcdori.ga/> - **Abecedarium Orientale**

Permanent link:

<http://ciangbrides.myds.me/dw/!abcdori.ga/orthography?rev=1518853531>



Last update: **2018/02/17 15:45**